

- Đơn vị xin cấp lại phải trình bày rõ lý do xin cấp lại.

- Cam đoan không lạm dụng Giấy chứng nhận xuất khẩu và Giấy chứng nhận xuất xứ mẫu A được cấp lại và chịu mọi trách nhiệm phát sinh nếu sử dụng sai mục đích.

- Trong trường hợp có những thay đổi phát sinh sau khi cấp Giấy chứng nhận xuất khẩu, xuất xứ, người xuất khẩu muốn xin cấp lại Giấy chứng nhận xuất khẩu và Giấy chứng nhận xuất xứ mẫu A, phải làm công văn nêu rõ lý do xin cấp lại và phải nộp lại các bản gốc Giấy chứng nhận xuất khẩu và Giấy chứng nhận xuất xứ mẫu A đã cấp.

VI. KIỂM TRA XÁC MINH KHI CÓ YÊU CẦU HAY KHIẾU NẠI TỪ CƠ QUAN HẢI QUAN CỦA NƯỚC NHẬP KHẨU

- Sau khi nhận được thông báo của Bộ Thương mại về yêu cầu kiểm tra theo đề nghị của cơ quan hải quan nước nhập khẩu, các đơn vị phải giải trình và cung cấp các chứng từ cần thiết có liên quan, trong thời hạn sớm nhất, nhằm mục đích làm sáng tỏ tính xuất xứ của hàng hóa xuất khẩu.

- Trong trường hợp cần thiết, tùy thuộc vào mức độ quan trọng và tính phức tạp của vấn đề nảy sinh, Bộ Thương mại có thể yêu cầu kiểm tra tại chỗ sản phẩm xuất khẩu bao gồm: kiểm tra trực tiếp sản phẩm và kiểm tra quy trình sản xuất sản phẩm tại phân xưởng sản xuất.

VII. LỆ PHÍ

Nhằm bổ sung cơ sở vật chất cho các Phòng Quản lý xuất nhập khẩu để có điều kiện phục vụ tốt hơn cho các doanh nghiệp, trong khi chờ đợi thống nhất với Bộ Tài chính, Bộ Thương mại tạm thời quy định mức thu lệ phí cấp Giấy chứng nhận xuất khẩu và Giấy chứng nhận xuất xứ mẫu A như sau:

- | | |
|------------------------------|-------------|
| 1. Chứng nhận xuất khẩu: | 10.000 đồng |
| 2. Chứng nhận xuất xứ mẫu A: | 15.000 đồng |
| 3. Cấp lại mỗi loại: | 5.000 đồng. |

Các mẫu E/C và C/O Form A in sẵn được bán cho các doanh nghiệp theo giá quy định trên cơ sở chi phí in ở trong nước và mua của nước ngoài.

Việc thu nộp lệ phí và bán mẫu in sẵn thực hiện trước khi giao Giấy chứng nhận xuất khẩu và Giấy chứng nhận xuất xứ mẫu A cho doanh nghiệp và phải có chứng từ theo quy định của Bộ Tài chính.

Quy chế này có giá trị thực hiện từ ngày 01 tháng 1 năm 2000./.

THANH TRA NHÀ NƯỚC

QUYẾT ĐỊNH số 1013/1999/QĐ-TTNN ngày 25/11/1999 về việc ban hành Quy định thi nâng ngạch thanh tra viên lên thanh tra viên chính

TỔNG THANH TRA NHÀ NƯỚC

Căn cứ Nghị định số 15/CP ngày 02/3/1993 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm và quản lý nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 95/1998/NĐ-CP ngày 17/11/1998 của Chính phủ về việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Căn cứ Quyết định số 150/1999/QĐ-TCCP ngày 12/2/1999 của Bộ trưởng, Trưởng ban Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ về việc ban hành Quy chế Thi nâng ngạch công chức;

Sau khi thống nhất với Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ tại Công văn số 607/BTCCBCP-CCVC ngày 05 tháng 11 năm 1999 về việc ban hành Quy định thi nâng ngạch thanh tra viên lên thanh tra viên chính ngành Thanh tra nhà nước,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về việc thi nâng ngạch thanh tra viên lên thanh tra viên chính.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo, thi hành Quyết định này./.

Tổng Thanh tra Nhà nước

TẠ HỮU THANH

QUY ĐỊNH về việc thi nâng ngạch thanh tra viên lên thanh tra viên chính

(ban hành kèm theo Quyết định số 1013/1999/QĐ-TTNN ngày 25/11/1999 của Tổng Thanh tra Nhà nước).

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Điều kiện dự thi:

1.1. Cơ quan, đơn vị có nhu cầu, vị trí làm việc của ngạch thanh tra viên chính.

1.2. Thanh tra viên (04.025) có đủ các điều kiện sau được cơ quan tổ chức cho thi lên ngạch thanh tra viên chính (04.024).

1.2.1. Có các văn bằng chứng chỉ sau:

a) Bằng tốt nghiệp đại học trở lên.

b) Trình độ chính trị trung cấp.

c) Chứng chỉ về đào tạo, bồi dưỡng quản lý hành chính nhà nước.

d) Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ thanh tra nhà nước.

e) Chứng chỉ ngoại ngữ trình độ B.

1.2.2. Có phẩm chất đạo đức tốt, nghiêm chỉnh chấp hành đường lối chủ trương, chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước, ý thức tổ chức kỷ luật tốt, không trong thời gian bị xử lý kỷ luật từ khiếm trách trở lên.

2. Hồ sơ đăng ký dự thi gồm:

2.1. Đơn xin dự thi nâng ngạch thanh tra viên lên thanh tra viên chính (theo mẫu số 2 ban hành kèm theo Quyết định số 27/1999/QĐ-BTCCBCP ngày 16/7/1999) của Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ

2.2. Bản đánh giá, nhận xét của Thủ trưởng đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng công chức về: Phẩm chất đạo đức, ý thức chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, pháp luật, chính sách của Nhà nước; ý thức tổ chức kỷ luật lao động; trình độ năng lực và hiệu quả trong công tác; quan hệ với đồng nghiệp.

2.3. Các văn bằng chứng chỉ photôcopy (có xác nhận của cơ quan quản lý, sử dụng công chức).

2.4. Bản khai lý lịch khoa học dự thi nâng ngạch (theo mẫu).

2.5. Hai ảnh cỡ 4 x 6 và hai phong bì dán tem ghi địa chỉ liên lạc.

Hồ sơ của người dự thi được đựng trong một túi hồ sơ cỡ 21 x 32 và gửi về Hội đồng sơ tuyển của Bộ, tỉnh.

3. Về hình thức thi: Gồm 3 phần:

a) Thi viết.

b) Thi vấn đáp.

c) Thi ngoại ngữ một trong năm thứ tiếng (Anh, Pháp, Đức, Trung, Nga) trình độ B.

II. NỘI DUNG THI**1. Thi viết tập trung vào những nội dung chính sau:**

1.1. Quan điểm đường lối của Đảng, pháp luật Nhà nước quy định về xây dựng nhà nước pháp quyền cải cách hành chính.

1.2. Một số nội dung về Pháp lệnh Cán bộ công chức, Pháp lệnh Chống tham nhũng, Pháp lệnh Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

1.3. Một số nội dung về Pháp lệnh Thanh tra, Luật Khiếu nại, tố cáo, các văn bản pháp luật khác về tổ chức hoạt động thanh tra và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

1.4. Nội dung cơ bản về nghiệp vụ thanh tra, xét khiếu tố, quản lý nhà nước về công tác thanh tra.

1.5. Quy chế đoàn thanh tra; quy trình, trình tự, thủ tục tiến hành thanh tra, xét giải quyết khiếu nại, tố cáo.

1.6. Viết và trả lời về các tình huống thanh tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo, soạn thảo văn bản kết luận, kiến nghị xử lý thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

2. Thi vấn đáp: Nội dung thi vấn đáp nhằm đánh giá năng lực, phương pháp xử lý các vấn đề thực tiễn và những hiểu biết chung về kinh tế, xã hội và tổ chức hoạt động thanh tra của thí sinh bao gồm:

2.1. Một số kiến thức về quản lý nhà nước nói

chung và quản lý nhà nước về thanh tra, xét khiếu tố.

2.2. Những kiến thức về kinh tế, xã hội, kinh nghiệm thực tiễn hoạt động thanh tra, xét khiếu tố của ngành, địa phương, những giải pháp tháo gỡ vướng mắc.

2.3. Kiến thức về nghiệp vụ thanh tra, xét khiếu tố.

2.4. Nêu một vài tình huống trong hoạt động thanh tra, xét khiếu tố, yêu cầu thí sinh đề xuất cách giải quyết.

2.5. Tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch công chức thanh tra.

3. Ngoại ngữ: Thi một trong năm thứ tiếng (Anh, Pháp, Trung, Nga, Đức) trình độ B.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Hàng năm các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng đề án theo quy định tại điểm 3 Mục 5 của Thông tư số 04/1999/TT-TCCP ngày 20/3/1999 gửi về Thanh tra Nhà nước để thống nhất ý kiến với Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ về chỉ tiêu dự thi và việc tổ chức thi.

Trên cơ sở chỉ tiêu được phân bổ, các Bộ, ngành tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện việc sơ tuyển theo Quy chế chung về thi nâng ngạch ban hành kèm theo Quyết định số 150/1999/QĐ-TCCP ngày 12/2/1999 của Bộ trưởng, Trưởng ban Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ và lập danh sách thí sinh dự thi nâng ngạch thanh tra viên lên thanh tra viên chính, kèm theo hồ sơ gửi về Hội đồng thi nâng ngạch của Thanh tra Nhà nước.

2. Việc tổ chức thi nâng ngạch thanh tra viên lên thanh tra viên chính cho công chức thanh tra do Thanh tra Nhà nước phối hợp với Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ thực hiện theo Quy chế Thi nâng ngạch.

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có gì vướng mắc, đề nghị các Bộ, ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phản ánh về Thanh tra Nhà nước nghiên cứu giải quyết./.

phủ ngày 11/7/1998 về chứng khoán và thị trường chứng khoán;

Xét đơn xin làm Ngân hàng Chỉ định thanh toán của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quản lý kinh doanh chứng khoán,

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

QUYẾT ĐỊNH:

QUYẾT ĐỊNH số 39/QĐ-UBCK3 ngày 26/11/1999 về việc chấp thuận Ngân hàng Chỉ định thanh toán.

Điều 1. Chấp thuận Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam làm Ngân hàng Chỉ định thanh toán phục vụ cho việc thanh toán các giao dịch chứng khoán tại Trung tâm Giao dịch chứng khoán.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Quản lý kinh doanh chứng khoán, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Trung tâm Giao dịch chứng khoán, Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, các thành viên lưu ký và các bên liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Căn cứ Nghị định số 15/CP của Chính phủ ngày 02/3/1999 về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 75/CP của Chính phủ ngày 28/11/1996 về việc thành lập Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 48/1999/NĐ-CP của Chính

LÊ VĂN CHÂU